TÒA PHÚC THẨM **TAND TỐI CAO TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 284/2026/HS-PT

Ngày: 13/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hoa;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;

Ông Nguyễn Xuân Điền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Tấn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình sự phúc thẩm thụ lý số 722/2025/TLPT-HS, ngày 26 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Thị Q (Q1), Trần Đăng H bị xét xử về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Do có kháng cáo của các bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 699/2025/HS-ST, ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**** Bị cáo bị kháng cáo:***

1. NGUYỄN THỊ Q2 (QUYÊN), sinh ngày 24/10/1977 tại Hà Nội; Số CCCD: 001177028272; Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là xã S, thành phố Hà Nội); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái: Không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Văn C; Con bà: Nguyễn Thị M; Chồng: Trần Đăng H (là bị cáo trong vụ án); Có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị bắt tạm giam ngày 11/02/2025. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố H. Có mặt

2. TRẦN ĐĂNG HẢI, sinh ngày 15/8/1973 tại Hà Nội; Số CCCD: 001073007308; Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là xã S, thành phố Hà Nội); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 08/12;

Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái: Không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Con ông: Trần Văn T1; Con bà: Hồ Thị N; Vợ: Nguyễn Thị Q2 (là bị cáo trong vụ án); Có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị bắt tạm giam ngày 11/02/2025. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố H. Có mặt

*** Bị hại có kháng cáo :**

1. Bà Vũ Khải Khánh H1; sinh năm 1979; CCCD 056179011824 cấp ngày 28/9/2021 tại Cục cảnh sát; địa chỉ: Số B đường L, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường T, tỉnh Khánh Hòa). Có mặt

2. Bà Vũ Khải Khánh T2; sinh năm 1977 ; CCCD 056177005954 cấp ngày 21/9/2022 tại cục C5; địa chỉ: Căn hộ F CT2 V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường T, tỉnh Khánh Hòa). Có mặt

**** Đại diện theo ủy quyền của bà H1, bà T2:*** Ông Nguyễn Văn T3; sinh năm 1975; CCCD số 001075020045, ngày cấp 10/5/2021, nơi cấp : Cục Q3 về TTXH ; địa chỉ : Thôn Đ, xã S, thành phố Hà Nội. Có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo Q1 (Quyển), H do Tòa án chỉ định:***

Luật sư Mai Anh H2 – Văn phòng L3 thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Có mặt.

* ***Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại Vũ Khải Khánh H1, Vũ Khải Khánh T2:*** Từ chối luật sư Nguyễn Ngọc T4 – Công ty L4 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***- Chị Trần Hiếu L; sinh năm 2000 ; địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là xã S, thành phố Hà Nội). Có mặt.

**** Người làm chứng:***

1. Chị Trần Thị T5; sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn A, xã T, thành phố Hải Phòng. Có mặt

2. Anh Vũ Huy C1; sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ E, thị trấn L, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

3. Chị Vũ Thị Thu H3; sinh năm 1973; địa chỉ: Đ, T, xã S, thành phố Hà Nội. Có mặt.

4. Chị Nguyễn Thị S; sinh năm 1999; địa chỉ: X, xã N, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2013, vợ chồng Nguyễn Thị Q2 và Trần Đăng H cùng trú tại thôn M, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội, nay là xã S, thành phố Hà Nội đến ở nhà bà Cao Thị Thanh T6 để nhờ bà T6 giúp đỡ tìm việc làm. Tại đây, Q2 cho bà T6 biết Q2 có thể nhập hồn, cúng giải hạn. Cũng trong thời gian này, bà T6 thấy vợ chồng bà Vũ Khải Khánh T2 là người làm cùng bà T6 ở Ban quản lý dự án công trình giao thông nông nghiệp tỉnh K, không có con nên bà T6 đã giới thiệu vợ chồng Q2 và H với bà Vũ Khải Khánh T2 để nhờ bà T2 tìm việc giúp cho Q2 và Hải đồng thời xem bói, giải hạn cho bà T2. Thời gian từ năm 2013, Q2 và H đến ở nhờ nhà bà T2 thì bà Vũ Khải Khánh H1 (là em gái ruột của bà T2) đến nhà bà T2 và gặp Q2 và H. Quá trình tiếp xúc với bà H1, Q2 tìm hiểu về nhân thân, mối quan hệ các thành viên trong gia đình của bà H1. Sau khi nắm rõ về gia đình của bà H1 thì Q2 giả nhập là *"Thánh, N1, người thân đã chết của H1, nói bà H1 có căn tu"* phải về nhà Q2 để làm lễ giải hạn, nếu không gia đình sẽ có người gặp nạn, chết người. Tháng 08/2014, bà H1 tin tưởng và đồng ý đi theo Q2 về nhà Q2 tại thôn M, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội, nay là xã S, thành phố Hà Nội để Quyển làm lễ cúng bái, giải hạn cho bà H1. Trong thời gian ở nhà Q2 từ năm 2014 đến 2019, Q2 cùng chồng là Trần Đăng H lập điện thờ trên gác xép và tổ chức lễ cúng bái tại nhà Q2 và H. Tại đây, Q2 giả nhập thần linh, người thân đã chết của bà H1 về nói chuyện với bà H1 trong lúc cúng bái và yêu cầu bà H1 đưa tiền cho H và Q2 để làm lễ. Cũng trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2019, Q2 tiếp cận bà Vũ Khải Khánh T2 và dùng thủ đoạn giả nhập người thân đã chết của bà T2, giả nhập các Ngài, T7 … để nói chuyện với bà T2 tạo lòng tin của bà T2 về tâm linh để chiếm đoạt tài sản của bà T2. Quyển yêu cầu bà H1 và bà T2 chuyển tiền đến tài khoản số 21410000386072, mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 (gọi tắt là Ngân hàng B1) mang tên Trần Đăng H và tài khoản số 214110001101737, mở tại Ngân hàng B1 mang tên Trần Hiếu L (là con gái của Q2 và H) để Q2 làm lễ giải hạn cho bà H1 và bà T2. Cụ thể như sau:

1. Hành vi chiếm đoạt tiền của bà Vũ Khải Khánh H1:

Năm 2014: Quyển giả nhập Thánh về phán cuối năm tại sao có nhiều người hay bị tai nạn là do ma quỷ nó đi bắt hồn, mà gia đình bà H1 nặng nghiệp mấy đời trước nên giờ phải trả. Giờ muốn gia đình bình an thì xin cúng giải hạn cho tất cả mọi người. N2 thì 7.000.000 đồng, nữ thì 9.000.000 đồng đó là vía hồn của mỗi người; nhập hồn ông nội bà H1 về báo phải làm lễ cúng nếu không thì gia đình sẽ lục đục, vợ chồng cãi nhau bỏ nhau vì năm hạn; nhập T7 về báo làm cúng cây me trước nhà không thì ma quỷ sẽ làm cho bố H1 té ngã xe; nhập ông nội H1 đã chết về báo cúng xin cho chuyển bác chết ở bên Mỹ về gia tiên; nhập bà nội bà

H1 đã chết về báo chết nơi chiến trường tan xác không ai cúng xin đem về nhà thờ, phải trình làm lễ thì hồn mới về nhà con cháu được. Từ ngày 10/10/2014 đến ngày 19/12/2014 bà H1 đã 19 lần chuyển tiền (các lần chuyển tiền có danh mục kèm theo) từ tài khoản số 60110000064130, mở tại Ngân hàng B1 mang tên Vũ Khải Khánh H1 vào tài khoản số 21410000386072, mở tại Ngân hàng B1 mang tên Trần Đăng H, với tổng số tiền 206.300.000 đồng. Ngoài ra, Q2 còn chiếm đoạt 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision, đeo biển kiểm soát 79N1 - 36721 của bà H1 trị giá là 22.960.000 đồng với lý do Q2 nói bà H1 đưa xe máy cho Q2 để cúng giải hạn nếu không bà H1 tiếp tục điều khiển xe máy đi sẽ gặp tai nạn.

Năm 2015: Quyển giả nhập là bà ngoại bà H1 về báo cúng giải hạn cho mấy dì và chú trong gia đình; nhập bác bà H1 về báo bà H1 bị ung thư ngực. Bác về xin 30.000.000 đồng để trả nợ vì khi còn sống nợ người ta chưa trả chết xuống bị họ đòi; giả nhập ông nội bà H1 về báo phải cúng giải hạn đầu năm cho bố mẹ bà H1 để không bị tai biến; nhập ông nội, bà nội, bác về xin tiền mua cây gậy, điện thoại, bông tai, thuốc xì gà; Quyển nhập Chư thần báo nhà bà H1 có 04 cái hòm quan tài cần giải hạn gấp; Quyển nhập ông nội bà H1 về báo cho bố bà H1 bị tai biến; Quyển nhập "Cậu bé" về hù dọa gia đình bà H1 gặp hoạn nạn; Quyển nhập ông ngoại bà H1 về báo trình cúng tính mạng cho chú, dì và cậu; Q2 nhập Thánh về báo cho mẹ bà H1 bị bệnh mất mạng vì báng bổ không tin; nhập ông nội bà H1 về xin làm siêu thoát cho ông bà vì gia đình xưa bên đạo không cúng nên gia tiên đói khát; Quyển nhập "Cô bé", ông nội, bà nội bà H1 về báo cúng nhà T8 vì trước nhà có cây me không cúng thì ma quỷ phá nhà. Từ ngày 12/01/2015 đến ngày 07/12/2015, bà H1 đã 31 lần chuyển tiền (các lần chuyển tiền có danh mục kèm theo) từ tài khoản số 60110000064130, mở tại Ngân hàng B1 mang tên Vũ Khải Khánh H1 vào tài khoản số 21410000386072, mở tại Ngân hàng B1 mang tên Trần Đăng H, với tổng số tiền 394.500.000 đồng để Q2 làm lễ cúng giải hạn cho bà H1.

Năm 2016: Quyển biết bà H1 sợ nhện nên Q2 đã nhập là "Cô bé" về dọa nhện để bà H1 phải trình tiền. Nếu bà H1 không trình thì bà H1 đi đâu cũng bị nhện bám vào. Muốn để không phải thấy nhện thì phải trình tiền nên ngày 08/01/2016, bà H1 đã chuyển tiền từ tài khoản số 60110000064130, mở tại Ngân hàng B1 mang tên Vũ Khải Khánh H1 vào tài khoản số 21410000386072, mở tại Ngân hàng B1 mang tên Trần Đăng H số tiền 15.000.000 đồng.

Năm 2019: Quyển thường xuyên nhập "Cô bé" về dọa nhện để bắt trình cúng giải hoạn nạn cho gia đình. Q2 bảo bà H1 chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng của L để rút tiền về đưa Q2 trình cúng. Ngày 29/01/2019, bà H1 chuyển tiền từ tài khoản số 60110000064130, mở tại Ngân hàng B1 mang tên Vũ Khải Khánh H1 vào tài khoản số 214110001101737, mở tại Ngân hàng B1 mang tên Trần Hiếu

L số tiền 2.000.000 đồng để L rút tiền về đưa cho Q2. Đến tháng 05/2019, do biết bà H1 không còn khả năng về tài chính nữa nên Q2 đã cho bà H1 về. Trước khi cho bà H1 về nhà, Q2 có dùng điện thoại di động quay lại video để cho bà H1 nói giải trình về những số tiền mà bà H1 đưa Q2 cúng bái giải hạn và đem đi thả.

Tổng số tiền và tài sản mà Nguyễn Thị Q2 và Trần Đăng H chiếm đoạt của bà Vũ Khải Khánh H1 thông qua giao dịch chuyển tiền đến tài khoản Ngân hàng B1 của Trần Đăng H và Trần Hiếu L và chiếc xe máy Vision là 640.760.000 đồng.

Quá trình điều tra bà Vũ Khải Khánh H1 còn cung cấp từ năm 2016 đến năm 2019, bà H1 còn nhiều lần rút tiền mặt, với tổng số tiền 2.679.770.000 đồng từ tài khoản số 0061001029677, mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N5 (V1) mang tên Vũ Khải Khánh H1 để đưa cho H và Q2 để làm lễ giải hạn. Tuy nhiên, ngoài lời khai của bà H1 không có tài liệu nào khác chứng minh việc bà H1 đưa tiền mặt cho Q2 và H nên chưa có căn cứ xác định Q2 và H đã chiếm đoạt số tiền trên của bà H1.

2. Hành vi chiếm đoạt tiền của bà Vũ Khải Khánh T2: Trong thời gian năm 2016, Q2 tiếp cận bà Vũ Khải Khánh T2 và dùng thủ đoạn giả nhập người thân đã chết của bà T2, giả nhập các Ngài, T7 … để nói chuyện với bà T2 tạo lòng tin của bà T2 về tâm linh để chiếm đoạt tài sản của bà T2. Quyển yêu cầu bà T2 chuyển tiền đến tài khoản số 21410000386072 ngân hàng B1 của Trần Đăng H và tài khoản số 214110001101737 ngân hàng B1 của con gái Trần Hiếu L. Cụ thể như sau:

Năm 2017**:** Quyển nhập hồn ông nội bà T2 về báo làm lễ siêu thoát cho ông nội; Quyển giả nhập ông nội bà T2 báo làm lễ giải hạn cho gia đình để ông nội siêu thoát, bà nội không bị ngã chết sớm; Quyển nhập hồn về dọa bố đẻ bà T2 bị bệnh; nhập hồn về đe dọa báo giải hạn cho chị dâu, anh trai của bà T2; Q2 nhập hồn về đe dọa báo giải hạn cho tính mạng của chồng bà T2; Q2 nhập hồn bà nội bà T2 về báo trình cúng để không bị ma quỷ đánh; Quyển nhập hồn ông nội chồng bà T2 về xin làm lễ siêu thoát; nhập hồn ông nội bà T2 về xin làm lễ siêu thoát cho bên ngoại; Quyển nhập bà nội bà T2 xin dời về cửa điện vì chết tan xác nơi chiến trường không ai biết cúng xin rước hồn về. Từ ngày 14/8/2017 đến ngày 26/9/2017, bà T2 đã 17 lần chuyển tiền từ tài khoản số 60110000142504, mở tại Ngân hàng B1 mang tên Vũ Khải Khánh T2 đến tài khoản số 21410000386072, mở tại Ngân hàng B1 mang tên Trần Đăng H, với tổng số tiền 294.000.000 đồng để Q2 làm lễ cúng bái, giải hạn cho bà T2.

Năm 2018**:** Quyển nhập bà nội về báo giải hạn cho chị gái đầu không bị chết vì đang chữa bệnh ung thư; Quyển nhập "Cô C2" về bắt trình tiền cúng tạ vì đã kéo dài thời gian sống cho chị đầu đang bệnh ung thư; Quyển nhập "Cô B" về doạ trình cúng không phá nhà thành. Từ ngày 12/02/2018 đến ngày 06/10/2018,

bà T2 đã 04 lần chuyển tiền từ tài khoản số 60110000142504, mở tại Ngân hàng B1 mang trên Vũ Khải Khánh T2 đến tài khoản số 21410000386072, mở tại Ngân hàng B1 mang tên Trần Đăng H, với tổng số tiền 31.500.000 đồng để Q2 làm lễ cúng bái, giải hạn cho bà T2.

Ngày 04/9/2018, bà T2 chuyển 5.000.000 đồng từ tài khoản số 60110000142504, mở tại Ngân hàng B1 mang trên Vũ Khải Khánh Trang chuyển khoản đến tài khoản số 214110001101737, mở tại Ngân hàng B1 mang tên Trần Hiếu L với lý do Quyển nhập các quan thánh phán trình lễ cho dòng họ V và họ L1 được bình an. Q2 nói chuyển tiền vào tài khoản của L để L rút tiền đưa lại cho Q2 vì vợ chồng bà Q2 H đang đi khám bệnh.

Năm 2019: Từ ngày 22/01/2019 đến ngày 27/02/2019, bà T2 04 lần chuyển 33.000.000 đồng từ tài khoản số 60110000142504, mở tại Ngân hàng B1 mang trên Vũ Khải Khánh Trang chuyển khoản đến tài khoản số 214110001101737, mở tại Ngân hàng B1 mang tên Trần Hiếu L với lý do Quyển nhập ông nội bà T2 về bắt trình các quan Thánh cho được ăn nhờ cửa điện để ma quỷ không cướp mất đồ ăn. Q2 nói gửi tiền vào tài khoản ngân hàng của L vì vợ chồng Q2 đang nhờ L ở nội thành H mua mấy lẵng hoa cao cấp đem về cúng các quan ngài dịp tết; Quyển giả nhập "Cô C2" về phán phải lo cúng giải cầu an cho cả gia tộc chỉ có một đợt duy nhất mà bình an cả năm.

Tổng số tiền mà Nguyễn Thị Q2 và Trần Đăng H chiếm đoạt của bà Vũ Khải Khánh T2 thông qua giao dịch chuyển tiền đến Ngân hàng B1 của Trần Đăng H và Trần Hiếu L là 363.500.000 đồng.

Quá trình điều tra bà Vũ Khải Khánh T2 còn cung cấp từ năm 2015 đến năm 2019, bà T2 còn nhiều lần đưa tiền mặt, với tổng số tiền 4.372.600.000 đồng để đưa cho H và Q2 để làm lễ giải hạn. Tuy nhiên, ngoài lời khai của bà T2 không có tài liệu nào khác chứng minh việc bà T2 đưa tiền mặt cho Q2 và H nên chưa có căn cứ xác định Q2 và H đã chiếm đoạt số tiền trên của bà T2.

Quá trình điều tra bà Vũ Khải Khánh T2 còn tố giác năm 2017, Nguyễn Thị Q2 và Trần Đăng H chiếm đoạt 01 căn hộ ở số F C, khu đô thị V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, nay là phường T, tỉnh Khánh Hòa với diện tích 59,4m^2 của bà T2, với thủ đoạn Quyển giả nhập ông nội bà T2 yêu cầu sang tên quyền sử dụng đất cho Q2 và H để cúng trong thời hạn 03 tháng, nếu không chồng bà T2 là ông Lê Nhật K sẽ chết và gia đình bà T2 không có con, Q2 nói 3 tháng sau sẽ sang tên lại cho vợ chồng bà T2 và ông K. Tuy nhiên, xác minh xác định việc mua bán, chuyển nhượng căn hộ 617 CT2 nêu trên giữa bà Vũ Khánh Khải T9 và ông Lê Nhật K với Nguyễn Thị Q2 và Trần Đăng H được ký kết hợp pháp tại văn phòng C6; địa chỉ số A H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa vào ngày 22/12/2017 nên chưa

có cơ sở xác định Nguyễn Thị Q2 và Trần Đăng H đã chiếm đoạt căn hộ chung cư của bà T9.

Vật chứng vụ án:

Ngày 11/02/2015, Cơ quan điều tra khám xét nơi ở của Nguyễn Thị Q2 và Trần Đăng H, thu giữ: 01 thẻ tiết kiệm có kỳ hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 số tiền 100.000.000 đồng, số thẻ AAE0942163; 01 thẻ tiết kiệm có kỳ hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 số tiền 200.000.000 đồng, số thẻ AAE0062358; 01 thẻ tiết kiệm có kỳ hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 số tiền 100.000.000 đồng, số thẻ AAE1069195; 01 quyển sách có mặt bìa in chữ PL2552, THÔNG THƯ; 01 quyển sách trang đầu in hình phật và chữ NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU PHẬT; 01 quyển sách bìa màu xanh in chữ Giáo hội P1; 01 đĩa sứ, mặt đĩa tráng men, viền màu xanh; 10 đồng xu bằng kim loại; 05 lá bùa có đặc điểm giống nhau hình chữ nhật có viền đỏ vàng, in chữ màu đen; 01 giấy vay tiền đề ngày 31/10/2024, số tiền vay 30.000.000 đồng, mục người vay ký tên Nguyễn Thị S, mục người cho vay ký tên Nguyễn Thị Q2; 01 giấy xác nhận, mục người viết giấy ký tên Nguyễn Thị L2, mục người không nhận bất cứ khoản tiền nào ký tên Nguyễn Thị Q2 để ngày 22/11/2022; Giấy bán xe đề ngày 22/04/2017, mục bên mua ký tên Trần Đăng H, mục bên bán ký tên Lê Nhật K; Giấy vay tiền đề ngày 26/02/2017, số tiền vay 1.500.000.000 đồng, mục bên cho vay ký tên Phạm Hồng H4, mục bên vay tiền ký tên Trần Đăng H; Giấy xác nhận đề ngày 12/6/2024, mục người viết giấy ký tên Nguyễn Thị S, mục người không liên quan ký tên Nguyễn Thị Q2; 01 giấy xác nhận đề ngày 06/8/2024, mục người viết giấy Nguyễn Thị Thu T10, mục người không nhận các khoản tiền nào ký tên Nguyễn Thị Q2; 01 giấy xác nhận đề ngày 15/02/2020, mục người viết ký tên Đàm Thị Thảo O, mục người không liên quan đến bất kỳ khoản tiền nào ký tên Nguyễn Thị Q2; 01 Giấy xác nhận đề ngày 17/02/2020, mục người viết giấy ký tên La Thị T11, mục người không nhận bất cứ khoản tiền nào ký tên Nguyễn Thị Q2; 01 Giấy xác nhận ngày 11/12/2019, mục người viết ký tên Lê Thị Ngọc Á, mục người làm chứng ký tên Nguyễn Thị Q2; 01 Giấy xác nhận đề ngày 18/12/2019, mục người xác nhận ký tên Nguyễn Thị Q2, mục người làm đơn ký tên Lê Thị Ngọc Á; 01 giấy xác nhận đề ngày 11/12/2023, mục người viết ký tên Ngô Thị Hồng H5, mục người không nhận tiền ký tên Nguyễn Thị Q2; 01 giấy xác nhận đề ngày 04/3/2020, mục Hà Nội, ngày 27/3/020 ký tên Đào Thị Bích H6, mục người không nhận tiền ký tên Nguyễn Thị Q2; 01 giấy xác nhận đề ngày 18/12/2019, mục người xác nhận ký tên Lê Thị Ngọc Á, mục người không nhận tiền ký tên Nguyễn Thị Q2; 01 đơn xin trình bày đề tên Vũ Khải Khánh H1 ngày 20/5/2019, mục người làm đơn ký tên Vũ Khải Khánh H1, mục người làm chứng ký tên Nguyễn Thị Q2; 01 đơn xin trình bày, đề tên Vũ Khải Khánh H1 ngày 18/01/2019, mục người làm đơn ký tên Vũ Khải Khánh H1, mục người làm chứng

ký tên Nguyễn Thị Q2; 01 đơn xin trình bày đề tên Vũ Khải Khánh H1 ngày 20/11/2017, mục người làm đơn ký tên Vũ Khải Khánh H1, mục người làm chứng ký tên Nguyễn Thị Q2; 01 giấy xác nhận đề tên Vũ Khải Khánh T2, mục người ghi 9/5/19 đề tên Vũ Khải Khánh T2; 01 giấy xác nhận đề tên Vũ Khải Khánh T2, mục người giao ký tên Vũ Khải Khánh T2, mục người nhận 8/9/2018 ký tên Vũ Khải Khánh H1, mục người làm chứng ký tên Nguyễn Thị Q2; 01 giấy xác nhận đề tên Vũ Khải Khánh H1 ngày 20/6/2014, mục người viết ký tên Vũ Khải Khánh H1, mục người nhận ký tên Vũ Khải Khánh T2, mục người làm chứng ký tên Vũ Khải Khánh T2; 01 giấy xác nhận đề tên Vũ Khải Khánh H1 ngày 8/9/2018, mục người viết ký tên Vũ Khải Khánh H1, mục người giao ký tên Nguyễn Thị Q2, mục người làm chứng ký tên Vũ Khải Khánh T2; 01 giấy xác nhận đề tên Vũ Khải Khánh T2, mục người viết 8/9/2018 ký tên Vũ Khải Khánh T2, mục người làm chứng ký tên Vũ Khải Khánh H1, có ký tên Nguyễn Thị Q2; 01 giấy xác nhận đề tên Phạm Thị T12 1987 ghi ngày 11/02/2020, mục người xác nhận ký tên Phạm Thị T12, mục người không nhận bất cứ khoản tiền nào ký tên Nguyễn Thị Q2; 01 đơn đề nghị đề tên Trần Đăng H ngày 19/7/2019, mục người làm đơn ký tên Trần Đăng H; 01 đơn đề nghị đề tên Trần Đăng H ngày 12/7/2019, mục người làm đơn ký tên Trần Đăng H; 01 Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư đề ngày 22/12/2017, mục Bên A có điểm chỉ và ký tên Lê Nhật K, Vũ Khải Khánh T2, mục Bên B ký tên Trần Đăng H, Nguyễn Thị Q2, lời công chứng viên ký tên Hoàng Thị H7; Thông báo đòi nhà đề tên Trần Đăng H ngày 15/6/2019, mục người làm thông báo ký tên Trần Đăng H; 01 giấy mượn tiền đề ngày 22/6/2018 tại căn hộ 617 – chung cư C, thành phố N, mục Bên mượn tiền ký tên Vương Thị Lệ H8, Võ Đức M1; 01 giấy bán, cho, tặng xe đề tên chủ xe Vũ Khải Khánh H1, mục chủ xe bán, cho, tặng ký tên Vũ Khải Khánh H1, mục người được bán, cho, tặng ký tên Nguyễn Thị Q2; 01 Hợp đồng uỷ quyền đề ngày 16/11/2016, mục Bên A có điểm chỉ và ký tên Huỳnh Ngọc H9, Lê Thị Thanh P, mục Bên B có điểm chỉ và ký tên Trần Đăng H, Lời chứng của công chứng viên ký tên Đặng Thị Như H10; 01 văn bản thoả thuận đề ngày 16/11/2016, mục Bên A có ký tên Lê Thị Thanh P, ký tên và điểm chỉ Huỳnh Ngọc H9, mục Bên B ký tên và điểm chỉ Trần Đăng H, lời của công chứng viên ký tên Đặng Thị Như H10; 01 biên bản hợp đồng mua bán nhà ở số 16LK28/VTC/2018, mục Đại diện bên A có chũ ký Bùi Trang Đ đóng dấu Công ty cổ phần P2, mục Đại diện bên B có chữ ký của Trần Đăng H; 01 văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà (Lần 1) đề ngày 21/6/2018, mục Bên A ký tên và điểm chi Trần Đăng H, mục Bên B ký tên Nguyễn Thị Q2, chứng nhận của công chứng ký tên Hoàng Thị H7; 01 biên bản bàn giao mặt bằng lô đất đề ngày 15/3/2018 kèm trích đo địa chính thửa đất, mục bên giao Công ty cổ phần P2 có ký tên Bùi Trang Đ và Trương Ngọc H11, xác nhận của Công ty cổ phần P2 đề ngày 06/8/2018 ký tên đóng dấu Bùi Trang Đ; 01 giấy ủy quyền thanh toán đề

ngày lập 23/10/2018, mục đại diện bên góp vốn ký tên Nguyễn Thị Q2, mục đại diện nhà thầu ký tên Đỗ Danh C3, mục đại diện chủ đầu tư ký tên Bùi Trang Đ; 01 giấy uỷ quyền thanh toán đề ngày lập 03/4/2019, mục Đại diện nhà thầu ký tên và đóng dấu Lê Nhân H12; 01 Phiếu thu đề ngày 26/6/2017, mục người nộp tiền ký tên Trần Đăng H; 01 vận đơn đề tên người gửi Vũ Khải Khánh H1, người nhận Trần Đăng H; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Đăng H, Nguyễn Thị Q2 số C3870007; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision, số máy JF33F0173745, số khung 3303CY173632, màu trắng, đeo biển kiểm soát 79N1 – 367.21; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 038558, tên chủ xe Vũ Khải Khánh H1.

Quá trình điều tra vụ án bà Vũ Khải Khánh H1 và bà Vũ Khải Khánh T2 cung cấp các file dữ liệu âm thanh gồm: File IMG 4318.mp4 (thời lượng 03 phút 00 giây), IMG 43189.mp4 (thời lượng 03 phút 00 giây), Gia Nhap Ngai Ve Noi Nha Cua T.m4a (thời lượng 03 phút 34 giây), Hu M (30-5-2019).m4a (thời lượng 03 phút 52 giây), Cac Ngai 20190406 200503 (Cả.m4a, (thời lượng 01 giờ 52 phút 38 giây), Việt Giay Trinh M.m4a (thời lượng 01 phút 07 giây), Tien Chuyen NH 2014 - 2015.m4a (thời lượng 03 phút 52 giây), N3 về đòi bẻ răng tôi.m4a (thời lượng 02 phút 34 giây), Nhac Thang 500 triệu (1).m4a (thời lượng 01 phút 06 giây).

Tại bản Kết luận giám định số 3973/C09-P6 ngày 01/7/2020 của V2, Bộ C7 giám định đối với đối với các File *IMG-4318.mp4* (thời lượng 03 phút 00 giây), *IMG-43189.mp4* (thời lượng 03 phút 00 giây), *Gia Nhap Ngai Ve Noi Nha Cua T.m4a* (thời lượng 03 phút 34 giây), *Hu M (30-5-2019).m4a* (thời lượng 03 phút 52 giây), kết luận: *" ... Nội dung cuộc hội thoại trong các file mẫu cần giám định đã được chuyển thành văn bản; Kèm theo kết luận giám định có 01 bản dịch nội dung âm thanh mẫu cần giám định gồm 08 trang A4…".*

Tại bản Kết luận giám định số 6239/C09-P6 ngày 19/11/2020 của V2, Bộ C7 giám định đối với các File C - 20190406 200503 (cả.m4a, thời lượng 01 giờ 52 phút 38 giây), Việt Giay Trinh M.m4a (thời lượng 01 phút 07 giây), Tien Chuyen NH 2014 – 2015.m4a (thời lượng 03 phút 52 giây), N4 ve đòi bẻ răng tôi.m4a (thời lượng 02 phút 34 giây), Nhac Thang 500 triệu (1).m4a (thời lượng 01 phút 06 giây), kết luận: *"... Không tìm thấy dấu vết cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung trong các file âm thanh mẫu cần giám định; File âm thanh T13 – 2015.m4a không liên tục tại một số thời điểm: 00 phút 47 giây, 01 phút 10 giây, 01 phút 38 giây, 01 phút 55 giây. Nội dung các cuộc nói chuyện trong mẫu cần giám định đã được dịch thành văn bản…". Nội dung cuộc hội thoại có việc Quyển nhập vong hồn người thân của bà H1 và bà T2 đã chết về báo hoạn nạn và phải làm lễ giải hạn.*

Tại bản Kết luận giám định số 3919/C09-P6 ngày 16/9/2021 của V2, Bộ C7 giám định tiếng nói của Vũ Khải Khánh H1 và Vũ Khải Khánh T2, kết luận: *"... Không giám định được tiếng nói của Vũ Khải Khánh H1 do mẫu cần giám định có chất lượng kém; có tiếng nói của Vũ Khải Khánh T2 trong các file âm thanh Gia Nhap Ngai Ve Noi Nha Cua T.m4a và H14 (30-5-2019).m4a (Ký hiệu "Giọng nữ 2" trong Bản dịch nội dung âm thanh mẫu cần giám định kèm theo Kết luận giám định số 3973/C09-P6 ngày 01/7/2020 ...)".*

Tại bản Kết luận giám định số 4454/KL ngày 10/7/2024 của V2, Bộ C7 giám định tiếng nói của Nguyễn Thị Q2 và Trần Đăng H, kết luận: *" ... Không giám định được tiếng nói của Trần Đăng H do mẫu cần giám định có chất lượng kém; Không giám định được tiếng nói của Nguyễn Thị Q2 trong file V3 Ma Ko D.m4a do mẫu cần giám định có chất lượng kém; Tiếng nói của người nữ (ký hiệu "Giọng nữ 1" trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định Kèm theo Kết luận giám định số 6239/C09-P6 ngày 19/11/2020 và ký hiệu "Giọng nữ" trong Bản dịch âm thanh mẫu cần giám định Kèm theo Kết luận giám định số 3973/C09-P6 ngày 01/7/2020 của V2 - Bộ C7) trong mẫu cần giám định và giọng nói của Nguyễn Thị Q2 trong mẫu so sánh là của cùng một người… ".*

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 149/KL-HĐ ngày 20/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S, thành phố Hà Nội, kết luận: *"... 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, loại xe 2 bánh, biển kiểm soát 79N1 – 367.21, màu trắng đen bạc, số khung 3303CY173632, số máy JF33E0173745, dung tích 108, được sản xuất và lắp ráp trong nước, đăng ký lần đầu ngày 14/9/2012, mua mới năm 2012, thời điểm định giá năm 2014 có giá trị là 22.960.000 đồng ... ".*

Đối với Trần Hiếu L là người nhận tiền từ tài khoản do bà H1 và bà T2 chuyển đến và Nguyễn Thị M2, đi cùng bà H1 để rút tiền từ ngân hàng để đưa cho Q2. Tuy nhiên, L không biết việc bà H1 và bà T2 chuyển tiền vào tài khoản của T2 để làm lễ cúng giải hạn và bà M2 cũng không biết việc bà H1 đi rút tiền đưa cho Q2 làm lễ giải hạn nên Trần Hiếu L và Nguyễn Thị M2 không đồng phạm với Q2 và H trong vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Trách nhiệm dân sự: Bà Vũ Khải Khánh H1 yêu cầu Nguyễn Thị Q2 và Trần Đăng H bồi thường cho bà số tiền 4.605.530.000 đồng; bà Vũ Khải Khánh T2 yêu cầu Nguyễn Thị Q2 và Trần Đăng H bồi thường cho bà số tiền 4.473.600.000 đồng và trả lại bà T2 căn hộ số 6.17 CT2, khu đô thị V, phường T, tỉnh Khánh Hòa.

Bản cáo trạng số 513/CT-VKSHN-P2 ngày 20/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Quyển và Trần Đăng

Hải về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 699/2025/HS-ST, ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Q2, Trần Đăng H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

- Áp dụng Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015. Khoản 1 điều 23 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí đối với các bị cáo.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Q2 14 năm tù** về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 11/02/2025.

Xử phạt bị cáo **Trần Đăng H 12 năm tù** về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 11/02/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo phải trả bà H1 số tiền chiếm đoạt chưa trả 640.760.000 đồng; trả cho bà T2 số tiền chiếm đoạt chưa trả 363.500.000 đồng.

Phong tỏa 01 thẻ tiết kiệm có kỳ hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 số tiền 100.000.000 đồng, số thẻ AAE0942163; 01 thẻ tiết kiệm có kỳ hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 số tiền 200.000.000 đồng, số thẻ AAE0062358 và 01 thẻ tiết kiệm có kỳ hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 số tiền 100.000.000 đồng, số thẻ AAE1069195 để bảo đảm thi hành án, trả cho bà T2 và bà H1.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất quá hạn, xử lý vật chứng, tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 29/9/2025, bị hại Vũ Khải Khánh H1 và Vũ Khải Khánh T2 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 699/2025/HS-ST ngày 24/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị hại Vũ Khải Khánh H1 có ý kiến: Giữ nguyên nội dung kháng cáo. Lý do, chưa làm rõ số tiền mặt chị H1 đưa cho hai bị cáo Q2, H tại N, tại nhà hai bị cáo, tại Đ - Lâm Đồng từ năm 2014 đến năm 2019, tổng là 3.964.770.000 đồng. Xem xét hành vi giữ người trái pháp luật đối với chị H1 của bị cáo Q2, H từ năm 2015 đến 2019. Tăng hình phạt đối với cả hai bị cáo. Tăng mức bồi thường tổn

thất đi lại 5 năm, mất thu nhập 5 năm, thuê người chăm sóc bố mẹ và tổn thất tinh thần số tiền đã được liệt kê cụ thể tại đơn kháng cáo.

Bị hại chị Vũ Khải Khánh T2 có ý kiến: Giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu các bị cáo Q2, H trả lại căn hộ chung cư 617 CT2; Chưa làm rõ số tiền mặt bị hại chuyển cho Q2, H và H13 ly tổng là 4.473.600.000 đồng; Bỏ lọt tội phạm đối với Trần Hiểu L; Tăng hình phạt đối với hai bị cáo. Làm rõ nguồn tiền hai bị cáo mua xe ô tô, mua đất. Yêu cầu bồi thường khoảng 2,5 tỷ đồng là tiền xe đi lại 5 năm và 6 năm đi kiện, tổn thất tinh thần.

Trần Hiểu L là con gái của hai bị cáo xác nhận đã gửi đến Tòa án cấp phúc thẩm: Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo, Biên lai thu tiền của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội số 0000093 ngày 06/01/2026, Trần Hiểu L nộp thay Trần Đăng H, Nguyễn Thị Q2 tiền khắc phục hậu quả 200.000.000 đồng; số 0004873 ngày 06/11/2025 Trần Hiểu L nộp thay Trần Đăng H tiền án phí HSST 200.000 đồng; số 0004843 ngày 05/11/2025, Trần Hiểu L nộp thay Trần Đăng H án phí DSST 21.063.900 đồng; số 0004871 ngày 06//11/2025, Trần Hiểu L nộp thay Nguyễn Thị Q2 200.000 đồng án phí HSST; số 0004842 ngày 05/11/2025 Trần Hiểu L nộp thay Nguyễn Thị Q2 21.063.900 đồng tiền án phí DSST; Giấy khai sinh và giấy khen của Trần Quỳnh A là con hai bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm Trần Hiểu L giao cho bị hại T2 và H1 mỗi người 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo Q2 và bị cáo H.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của các bị hại trong thời hạn luật định, hình thức nội dung phù hợp nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Về tội danh, hình phạt Bản án sơ thẩm đã áp dụng đối với hai bị cáo Nguyễn Thị Q2 và Trần Đăng H đảm bảo đúng người, đúng tội, số tiền chiếm đoạt xác định là tiền chuyển khoản là đúng. Tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ Bản án sơ thẩm đã xác định đối với hai bị cáo là đúng. Tại cấp phúc thẩm, Trần Hiểu L là con gái hai bị cáo đã nộp thay hai bị cáo Q2, H tiền án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm, tiền khắc phục hậu quả 200.000.000đ nộp tại Thi hành án thành phố Hà Nội và 100.000.000đ giao trực tiếp cho bị hại tại phiên tòa là các tình tiết giảm nhẹ mới cần xem xét cho hai bị cáo theo điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, mức hình phạt bản án sơ thẩm áp dụng đối với hai bị cáo là phù hợp, do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên.

Đối với kháng cáo của các bị hại yêu cầu tăng hình phạt đối với hai bị cáo Q, H, bồi thường thiệt hại khác là tổn thất tinh thần, mất thu nhập … không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với kháng cáo của các bị hại về số tiền chiếm đoạt ngoài tiền các bị hại chuyển khoản còn tiền mặt, còn căn hộ chung cư, còn có đồng phạm khác là Trần Hiếu L, còn có hành vi bắt giữ người trái pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm các bị hại không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới, Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết, do vậy, đề nghị không chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

* Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Kháng cáo của các bị hại Vũ Khải Khánh H1 và Vũ Khải Khánh T2 trong hạn luật định, hình thức và nội dung phù hợp, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

* Về nội dung:

[3] Xét kháng cáo của các bị hại Vũ Khải Khánh H1 và Vũ Khải Khánh T2 về việc Bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị Q2 14 năm tù và bị cáo Trần Đăng H 12 năm tù là nhẹ, yêu cầu tăng hình phạt đối với cả hai bị cáo. Do cả hai bị cáo không nhận tội nhưng áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không chính xác. Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] **Về tội danh và hình phạt:**

[4.1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Thị Q2, Trần Đăng H không khai nhận hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa phúc thẩm hai bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của hai bị cáo như nội dung bản án sơ thẩm nêu là đúng. Căn cứ vào lời khai của hai bị cáo, bị hại, người làm chứng, vật chứng và các tài liệu khác đã thu giữ được có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến tháng 05/2019, tại nhà ở của Nguyễn Thị Q2 và Trần Đăng H ở thôn M, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội, nay là xã S, thành phố Hà

Nội, Q2 và H đã lập điện thờ trên gác xép của nhà Q2, H để tổ chức cúng bái làm lễ giải hạn. Q2 đã lợi dụng tín ngưỡng tâm linh và sự nhẹ dạ, cuồng tín của bà Vũ Khải Khánh H1 và bà Vũ Khải Khánh T2, đã giả nhập linh hồn những người đã chết là người thân của bà H1 và bà T2 đưa ra thông tin không có thật về bệnh tật, hoạn nạn mà bà H1 và bà T2 cũng như những người thân sẽ gặp phải nếu không cúng bái, làm lễ giải hạn. Tin tưởng những thông tin Q2 và H đưa ra, bà H1 và bà T2 đã chuyển khoản đưa cho vợ chồng Q2 và H số tiền 981.300.000 đồng và 01 xe máy Vision trị giá 22.960.000 đồng để làm lễ cúng giải hạn. Tổng số tiền và tài sản bà H1 và bà T2 bị Q2 và H chiếm đoạt là 1.004.260.000 đồng, trong đó chiếm đoạt của bà Vũ Khải Khánh H1 thông qua giao dịch chuyển tiền qua ngân hàng và chiếc xe máy Vision là 640.760.000 đồng, chiếm đoạt của bà Vũ Khải Khánh T2 thông qua giao dịch chuyển tiền qua Ngân hàng là 363.500.000 đồng.

[4.2] Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Thị Q2 và Trần Đăng H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự như Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên bố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4.3] Đánh giá vai trò đồng phạm của các bị cáo, trong đó bị cáo Q có vai trò cao hơn bị cáo H là đúng. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt trong vụ án đồng phạm không áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự là thiếu sót, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm và Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng để đảm bảo đúng quy định.

[4.4] Ngoài ra, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo còn xem xét nhân thân các bị cáo không có tiền án, tiền sự để áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo phạm tội nhiều lần nên áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

[4.5] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Q, H thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội; các bị cáo đã tác động gia đình nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm cho bị cáo Q, H và đã nộp tiền khắc phục hậu quả cho bị hại 200.000.000đ tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội và 100.000.000đ tại phiên tòa, đây là các tình tiết giảm nhẹ mới cả hai bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.6] Từ các căn cứ nêu trên, xét thấy các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, nhưng tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm, gây bức xúc, thiệt hại lớn cho bị hại, bị hại yêu cầu tăng hình phạt đối với hai bị cáo, hai bị cáo không có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Q 14 năm tù, bị cáo H 12 năm tù là có căn cứ. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại là chị H1 và chị T2 yêu cầu tăng hình phạt đối với hai bị cáo Q và bị cáo H.

[4.7] Nội dung kháng cáo của bị hại chị H1, chị T2 cho rằng Bản án sơ thẩm áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với hai bị cáo là không đúng. Hội đồng xét xử thấy, Bản án sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này, do vậy, kháng cáo của hai người bị hại H1, T2 là không có căn cứ.

[5] Đối với kháng cáo của bị hại chị H1, chị T2 cho rằng có đồng phạm là Trần Hiếu L là con gái hai bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cơ quan có thẩm quyền đã xem xét và xác định L không đồng phạm với các bị cáo.

[6] **Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại là chị T2 còn kháng cáo yêu cầu bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần, cụ thể: thu nhập bị mất trong 5 năm 3.000.000.000đ, chi phí đi lại trong 10 năm là 500.000.000đ; tổn thất tinh thần theo quy định. Bị hại là chị H1 kháng cáo yêu cầu bồi thường chi phí đi lại 5 năm là 100.000.000đ; chi phí thuê người chăm ba mẹ 5 năm là 120.000.000đ; tổn thất tinh thần theo quy định. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu này của bị hại H1, T2 không phù hợp với quy định, do vậy, không có căn cứ chấp nhận.

[7] **Về các vấn đề khác**:

[7.1] Đối với kháng cáo của bị hại Vũ Khải Khánh T2 cho rằng chưa làm rõ bị cáo Q, H chiếm đoạt căn hộ số 6.17 CT2, khu đô thị V, phường T, tỉnh Khánh Hòa và yêu cầu Nguyễn Thị Q2 và Trần Đăng H trả lại chị T2: Xét thấy, khi làm thủ tục chuyển nhượng chị T2 và anh K có ký hợp đồng mua bán căn hộ trên cho Q2, H tại văn phòng công chứng. Theo cung cấp của Văn phòng Đ2 xác định khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Văn phòng Đ2, văn phòng đã chỉnh lý biến động ngày 11/01/2018 trên giấy chứng nhận số phát hành CE 585099, số vào sổ 00445 ngày 22/11/2016. Sau khi 02 bên ký hợp đồng chuyển nhượng tại văn phòng công chứng, Q2 và H đã làm các thủ tục chuyển nhượng nhà đất, có chỉnh lý biến động tại Văn phòng Đ2 và đã được Giám đốc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 870007 ngày 24/9/2019 cho Trần Đăng H và Nguyễn Thị Q2. Khi Q2, H làm các thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, bà T2 không có khiếu nại với cơ quan có thẩm quyền về việc chỉnh lý biến động trên, không chứng minh được có thỏa thuận về việc chuyển nhượng căn hộ trên chỉ để cúng phần âm. Theo lời khai của công chứng viên Hoàng Thị H7 - Văn phòng C6 xác định: Khi làm thủ tục công chứng, các bên tự nguyện ký kết hợp đồng, không thấy bất thường. Tại phiên tòa chị T2 và người đại diện cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới về việc chuyển nhượng căn nhà để cúng phần âm về mặt tâm linh. Do vậy, xét thấy, Bản án sơ thẩm tách giải quyết trong vụ kiện khác khi có yêu cầu hoặc có tài liệu chứng cứ về việc chuyển nhượng trên để cúng về phần âm là phù hợp.

[7.2] Xét kháng cáo của bị hại là chị H1 cho rằng từ năm 2014 đến năm 2019, chị H1 chuyển tiền mặt cho Q2, H bị chiếm đoạt tổng là 3.964.770.000 đồng; bị hại T2 cho rằng chưa làm rõ việc chị T2 nhiều lần chuyển tiền mặt cho Q, H tổng cộng 4.110.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, ngoài lời trình bày của chị H1, chị T2 cũng không nhớ chính xác cụ thể từng lần chuyển bao nhiêu tiền? không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh và bị cáo Q2, H không thừa nhận, do vậy, chưa có đủ căn cứ để chứng minh các bị cáo Q2, H còn chiếm đoạt số tiền nêu trên của các bị hại.

[7.3] Đối với kháng cáo của chị T2 cho rằng bị cáo Q2, H còn chiếm đoạt của vợ chồng chị T2 xe mô tô Dream BKS 79N8-4229 mang tên Lê Nhật K. Hội đồng xét xử thấy: anh K đã có giấy bán xe cho Trần Đăng H và Cơ quan điều tra Công an thành phố H không thu giữ xe, nên không có căn cứ để giải quyết. Nếu tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng tài sản có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[7.4] Ngoài hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo Q2, H thì bị hại Vũ Khải Khánh H1 còn cho rằng Q2 và H còn có hành vi "Giữ người trái pháp luật". Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án sơ thẩm hướng dẫn bị hại cung cấp tài liệu chứng cứ và nộp cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định. Như vậy, hành vi này chưa được khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm nên không nằm trong phạm vi thẩm quyền giải quyết của Tòa cấp phúc thẩm.

[7.5] Tại cấp phúc thẩm, con của bị cáo Q2 và bị cáo H là Trần Hiếu L có giao nộp cho Tòa án: Biên lai thu tiền của Thi hành án dân sự thành phố H số 0000093, ngày 06/01/2026 người nộp Trần Đăng H, Nguyễn Thị Q2 (L nộp thay) số tiền 200.000.000đ, nội dung thu tiền khắc phục hậu quả; Biên lai thu tiền số 0004873 ngày 06/11/2025, Trần Đăng H nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ; Biên lai thu tiền số 0004843, ngày 05/11/2025, Trần Đăng H (Trần Hiếu L nộp thay) án phí dân sự sơ thẩm 21.063.900đ; Biên lai thu tiền số 0004842, ngày 05/11/2025, án phí dân sự sơ thẩm 21.063.900đ; tại phiên tòa khắc phục cho bị hại H1,T2 mỗi người 50.000.000đ. L xác định việc nộp tiền khắc phục hậu quả thay bị cáo Q, H. Do vậy, việc nộp tiền trên là tự nguyện được ghi nhận.

[8] Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị hại chị H1 và chị T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] **Về án phí**: Bị hại Vũ Khải Khánh H1 và Vũ Khải Khánh T2 kháng cáo không được chấp nhận nên mỗi người phải chịu án phí phúc thẩm dân sự 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Vũ Khải Khánh H1, Vũ KHải Khánh Trang; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 699/2025/HS-ST, ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

1.1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Q2 (Q1), bị cáo Trần Đăng H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với hai bị cáo Q2, H.

- Áp dụng Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015. Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí đối với các bị cáo.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Q2 (Q1)** 14 (M3 bốn) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 11/02/2025.

- Xử phạt bị cáo **Trần Đăng H** 12 (Mười hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 11/02/2025.

1. 2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị Q2 (Q1) và bị cáo Trần Đăng H phải liên đới bồi thường cho bị hại bà Vũ Khải Khánh H1 số tiền chiếm đoạt chưa trả là 640.760.000đ (Sáu trăm bốn mươi triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng); trả cho bị hại chị Vũ Khải Khánh T2 số tiền chiếm đoạt chưa trả 363.500.000đ (Ba trăm sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Phong tỏa 01 thẻ tiết kiệm có kỳ hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 số tiền 100.000.000 đồng, số thẻ AAE0942163; 01 thẻ tiết kiệm có kỳ hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 số tiền 200.000.000 đồng, số thẻ AAE0062358 và 01 thẻ tiết kiệm có kỳ hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 số tiền 100.000.000 đồng, số thẻ AAE1069195 để bảo đảm thi hành án, trả cho bà T2 và bà H1.

Ghi nhận Trần Hiếu L có giao nộp cho Tòa án cấp phúc thẩm: Biên lai thu tiền của Thi hành án dân sự thành phố H số 0000093, ngày 06/01/2026 người nộp Trần Đăng H, Nguyễn Thị Q (L nộp thay) số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), nội dung thu tiền khắc phục hậu quả; Biên lai thu tiền số 0004873 ngày

06/11/2025, Trần Đăng H nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng); Biên lai thu tiền số 0004843, ngày 05/11/2025, Trần Đăng H (Trần Hiểu L nộp thay) án phí dân sự sơ thẩm 21.063.900đ (Hai mươi mốt triệu không trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm đồng); Biên lai thu tiền số 0004842, ngày 05/11/2025, Nguyễn Thị Q (Trần Hiểu L nộp thay) án phí dân sự sơ thẩm 21.063.900đ (Hai mươi mốt triệu không trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm đồng), tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo.

Ghi nhận tại phiên tòa phúc thẩm Trần Hiểu L thay bị cáo Q2, H bồi thường cho bị hại Vũ Khải Khánh H1, Vũ Khải Khánh T2 mỗi người 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Bị hại Vũ Khải Khánh H1 và Vũ Khải Khánh T2 mỗi người phải chịu án phí phúc thẩm dân sự 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào tiền tạm ứng án phí bị hại Vũ Khải Khánh H1 (Dương Thị Xuân C4 nộp thay) 300.000đ tại Biên lai thu số 0012442, ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H và Vũ Khải Khánh T2 (Dương Thị Xuân C4 nộp thay) 300.000đ tại Biên lai thu số 0012444, ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện CT & KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- TTG số 1 - Công an thành phố Hà Nội;
- Bị cáo (qua TTG);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, Phòng PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Hoa